**TRƯỜNG THCS MẠC ĐĨNH CHI**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HẾT HỌC KÌ 1 (2023** - **2024)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 8** - **KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật** | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  | 0.5 |
| **Hình chiếu vuông góc** | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  | 3 |  | 0.75 |
| **Bản vẽ chi tiết** |  |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 | 2 | 1 | 4.5 |
| **Bản vẽ lắp** | 1 |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 3 |  | 0.75 |
| **Bản vẽ nhà** | 1 |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 | 3 | 1 |  |
| **Vật liệu cơ khí** | 1 |  | 1 | 1 | 1 |  |  |  | 3 | 1 | 3.75 |
| **Tổng số câu TN/TL** | **5** |  | **4** | **1** | **4** |  | **2** | **2** | **16** | **2** | **10** |
| **Điểm số** | **1,25** |  | **1,0** | **2,0** | **1,0** |  | **0,5** | **4** | **4** | **6** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **1,25 điểm**  **12,5 %** | | **3,0 điểm**  **30 %** | | **1,0 điểm**  **10 %** | | **4,5 điểm**  **45 %** | | **10 điểm**  **100 %** | | **100%** |

**TRƯỜNG THCS MẠC ĐĨNH CHI**

**BẢN ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2023** - **2024)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 8** - **KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| (1) | (2) | | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **I. Vẽ kĩ thuật** | | **1.1. Tiêu chuẩn bản vẽ kĩ thuật** | **Nhận biết:**   * Gọi tên được các loại khổ giấy.   - Nêu được một số loại tỉ lệ.  - Nêu được các loại đường nét dùng trong bản vẽ kĩ thuật.  **Thông hiểu:**   * Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy. * Giải thích được tiêu chuẩn về tỉ lệ. * Mô tả được tiêu chuẩn về đường nét. * Mô tả được tiêu chuẩn về ghi kích thước.   **Vận dụng:**   * Từ khổ giấy A0, chia khổ giấy đó thành các khổ A1, A2, A3, A4. Trình bày được khung bản vẽ trên khổ giấy A4. | 1 | 1 |  |  |
| **1.2. Hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay** | **Nhận biết:**   * Trình bày khái niệm hình chiếu. * Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu. * Nhận dạng được các khối đa diện. * Nhận biết được hình chiếu của một số khối đa diện thường gặp. * Nhận biết được hình chiếu của một số khối tròn xoay thường gặp**.** * Trình bày được các bước vẽ hình chiếu vuông góc một số khối đa diện, tròn xoay thường gặp.   **Thông hiểu:**   * Phân biệt được các hình chiếu của khối đa diện, khối tròn xoay. * Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật. |  |  |  |  |
|  |  | * Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật. * Giải thích được mối liên hệ về kích thước giữa các hình chiếu.   **Vận dụng:**   * Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện theo phương pháp chiếu góc thứ nhất. * Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu góc thứ nhất. |  |  |  |  |
|  |  | | **1.3. Hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản** | **Nhận biết:**   * Kể tên được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.   - Nêu được cách xác định các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.  **Thông hiểu:**   * Phân biệt được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản. * Sắp xếp được đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của vật thể trên bản vẽ kĩ thuật. * Tính toán được tỉ lệ để vẽ các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.   **Vận dụng:**   * Vẽ được hình chiếu vuông góc của một vật thể đơn giản. * Ghi được kích thước đúng quy ước trong bản vẽ kĩ thuật.   **Vận dụng cao:**  - Vẽ và ghi được kích thước và hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản. | 1 |  | 1 | 1 |
|  |  | | **1.4. Bản vẽ chi tiết** | **Nhận biết:**   * Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ chi tiết. * Kể tên các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.   **Vận dụng:**  - Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản theo đúng trình tự các bước. |  | 1 | 1 | 1 |
|  |  | | **1.5. Bản vẽ lắp** | **Vận dụng:**  - Lựa chọn sử dụng bản vẽ thích hợp. | 1 | 1 | 1 |  |
|  |  | | **1.5. Bản vẽ nhà** | **Thông hiểu:**  - Chọn loại bản vẽ của ngôi nhà được quan tâm nhiều nhất.  - Vai trò của bản vẽ mặt cắt. | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **(2)** | **II. Cơ khí** | **2.1. Vật liệu cơ khí** | | **Nhận biết:**  - Biết tên được một số vật liệu cơ khí thông dụng.  **Thông hiểu:**  Mô tả được cách nhận biết một số vật liệu thông dụng | 1 | 1 | 1 |  |
| **Tổng** | | | | | 5 | 5 | 4 | 4 |